

# VẤN ĐỀ CÁC PHƯƠNG NGỮ CƠ TU VÀ VIỆC BIÊN SOẠN SÁCH DẠY - HỌC TIẾNG CƠ TU

NGUYỄN HỮU HOÀNH \*

**Tóm tắt:** Bài viết này tiến hành xem xét sự khác nhau về từ vựng và ngữ âm giữa tiếng Cơ Tu vùng cao ở Quảng Nam và tiếng Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Mục đích của bài viết là, trên cơ sở chỉ ra những sự khác biệt của các phương ngữ để tìm ra cách ứng xử thích hợp cho việc biên soạn các tài liệu phục vụ dạy và học tiếng Cơ Tu. Chúng tôi hy vọng rằng, bài viết này cũng là một nghiên cứu trường hợp (case study) để xem xét đối với tình hình chung của các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** Tiếng Cơ Tu, phương ngữ, biên soạn sách học - học.

**Abstract:** This article examines the differences in vocabulary and phonetics between the highland Katuic language in Quang Nam and Katuic language in Thua Thien Hue province. Based on the differences between the two dialects, the article proposes the appropriate solutions for writing materials used for teaching and learning the Katuic language. We hope that this article is also a case study used as a reference to study other ethnic minority languages in our country today.

**Keywords:** Katuic language, dialect, textbook compilation.

## 1. Dẫn nhập

1.1. Theo số liệu Tổng điều tra dân số năm 2019, dân tộc Cơ Tu ở nước ta có 74.173 nhân khẩu. Hiện nay, người Cơ Tu sinh sống tại 38/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, nơi cư trú chủ yếu của họ là ở sườn Đông của dãy Trường Sơn. Những địa phương có đông người Cơ Tu sinh sống bao gồm các huyện Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang tỉnh Quảng Nam; Nam Đông, A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Một bộ phận ít hơn sống ở các xã Hòa Phú, Hòa Bắc huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Trong sự phân loại cội nguồn các ngôn ngữ ở Đông Nam Á, tiếng Cơ Tu được xếp vào nhánh *katuic* (còn gọi là *Sợ - Suối*), chi Môn - Khmer, ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic). Ở Việt Nam, tiếng Cơ Tu thường được các nhà nghiên cứu chia thành ba bộ phận (tạm gọi là 3 vùng phương ngữ):

*Cơ Tu vùng cao:* tiếng nói của người Cơ Tu sống ở huyện Nam Giang và Tây Giang tỉnh Quảng Nam. Đây là vùng phương ngữ được cho là đại diện cho tiếng Cơ Tu.

*Cơ Tu vùng thấp:* tiếng nói của người Cơ Tu sống ở vùng thấp thuộc huyện Đông Giang và vùng An Điền, Phú Hòa thuộc thành phố Đà Nẵng.

*Phương:* tiếng nói của bộ phận người Cơ Tu sống ở huyện A Lưới và huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ở đây, xin lưu ý thêm về tiếng nói của bộ phận được gọi là *Phương* ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Qua điều tra thực tế của chúng tôi vào tháng 10.2016 thì tiếng Cơ Tu ở đây phân biệt thành 2 vùng khá rõ: vùng thứ nhất là tiếng nói của người Cơ Tu ở các xã Thượng Lộ, Thượng Long, Thượng Nhật, Thượng Quảng thuộc huyện Nam Đông; vùng thứ hai là tiếng nói của người Cơ Tu ở các xã Hương Hữu, Hương Sơn thuộc huyện Nam Đông và Hương Lâm, Hương Nguyên, Hồng Hạ thuộc huyện A Lưới. Tên gọi Cơ Tu Phương chính là sử dụng cho người Cơ Tu ở vùng thứ hai này.

Theo ý kiến nhận xét của người dân Cơ Tu, đối với tiếng Cơ Tu ở hai vùng vừa nêu, tiếng Cơ Tu vùng thứ nhất gần với tiếng Cơ Tu vùng cao ở Quảng Nam hơn.

**1.3.** Bài viết này xem xét sự khác nhau về từ vựng và ngữ âm giữa tiếng Cơ Tu vùng cao ở Quảng Nam và tiếng Cơ Tu ở hai vùng vừa nêu của tỉnh Thừa Thiên Huế. Mục đích của bài viết là trên cơ sở chỉ ra những sự khác biệt của các phương ngữ để tìm ra cách ứng xử thích hợp cho việc biên soạn các tài liệu phục vụ dạy và học tiếng Cơ Tu. Hy vọng rằng, bài viết này cũng là một nghiên cứu trường hợp (*case study*) để xem xét đối với tình hình chung của các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay.

## **2. Về tư liệu và cách thức nghiên cứu**

**2.1.** Tư liệu của bài viết dựa trên 2 nguồn chính: Tiếng Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế (2008 đơn vị từ vựng được thu thập vào tháng 6.2016 ở xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông, đại diện cho vùng thứ nhất; xã Hương Lâm, huyện A Lưới, đại diện cho vùng thứ hai) và tiếng Cơ Tu vùng cao tỉnh Quảng Nam (qua *Từ điển Cơ Tu - Việt, Việt - Cơ Tu*, Quảng Nam, 2007). Các ví dụ bằng tiếng Cơ Tu được ghi bằng chữ Cơ Tu theo *Từ điển Cơ Tu - Việt, Việt - Cơ Tu*.

**2.2.** Để làm rõ sự khác biệt về từ vựng và ngữ âm giữa tiếng Cơ Tu ở Thừa Thiên Huế và Quảng Nam, các bước xử lý tư liệu của chúng tôi được tiến hành như sau:

- So sánh tiếng Cơ Tu ở xã Thượng Lộ, xã Hương Lâm với tiếng Cơ Tu ở Quảng Nam theo bảng 100 từ cơ bản của M. Swadesh. Mục đích của công việc này là chỉ ra mức độ gần gũi giữa các vùng phương ngữ về mặt cộng nguồn.

- So sánh tiếng Cơ Tu ở xã Thượng Lộ, xã Hương Lâm với tiếng Cơ Tu ở Quảng Nam theo toàn bộ danh sách 2008 đơn vị. Mục đích của công việc này là chỉ ra sự khác biệt về mặt từ vựng và ngữ âm ở một phạm vi rộng lớn hơn giữa các vùng, đặc biệt là những biến đổi ngữ âm có tính quy luật giữa chúng. Đây là những nhân tố hết sức quan trọng ảnh hưởng đến giao tiếp của người Cơ Tu ở các địa phương khác nhau và cũng là cơ sở để tham khảo khi biên soạn các tài liệu phục vụ cho việc dạy và học tiếng Cơ Tu ở các vùng phương ngữ khác nhau.

## **3. Sự khác nhau về từ vựng giữa tiếng Cơ Tu ở huyện A Lưới, Nam Đông và tiếng Cơ Tu ở Quảng Nam**

### **3.1. Sự khác nhau về từ vựng theo danh sách 100 từ cơ bản của M. Swadesh**

So sánh theo danh sách 100 từ cơ bản của M. Swadesh giữa tiếng Cơ Tu ở A Lưới (CTAL), Nam Đông (CTND) với tiếng Cơ Tu ở Quảng Nam (CTQN) có thể thấy tỉ lệ các từ cùng nguồn gốc (giống nhau) được thể hiện như sau:

CTAL - CTQN: 82%

CTND - CTQN: 92%

Tỉ lệ trên cho thấy, sự khác biệt giữa tiếng CTAL, CTND của tỉnh Thừa Thiên Huế với tiếng CTQN là không đáng kể; trong đó mối quan hệ giữa tiếng CTND và CTQN là đặc biệt gần gũi (chỉ khác nhau 8%). Như vậy, đối với lớp từ vựng cơ bản, tiếng Cơ Tu ở các vùng khác nhau đều có tính thống nhất cao.

### **3.2. Sự khác nhau về từ vựng theo danh sách 2008 đơn vị**

Khi mở rộng số lượng các đơn vị so sánh theo danh sách 2008 đơn vị có thể thấy tỉ lệ giống và khác nhau giữa CTAL và CTND với CTQN có sự thay đổi đáng kể. Kết quả này được phản ánh như sau:

#### **a) Giữa CTAL và CTQN**

Trong tổng số 1995 đơn vị từ vựng được so sánh (trong danh sách 2008 đơn vị dùng để so sánh, có một số đơn vị các cộng tác viên người Cơ Tu ở A Lưới không cung cấp được), có 1.152 đơn vị giống nhau, chiếm tỉ lệ 57,7%, ví dụ:

CTQN	CTAL
<i>ngai</i> (ai)	<i>ngai</i>
<i>Anoo</i> (anh)	<i>anoo</i>
<i>Kieng</i> (yêu, thích)	<i>keang</i> ,...

Ở đây, xin nói rõ hơn về các đơn vị từ vựng giống nhau này. Trên thực tế, các đơn vị từ vựng giống nhau có thể chia thành 2 loại nhỏ: các đơn vị giống nhau hoàn toàn (cả về ý nghĩa và hình thức ngữ âm, như 2 ví dụ đầu) và các đơn vị giống nhau không hoàn toàn (đồng nhất về ý nghĩa nhưng có sự biến đổi đối với các

thành phần ngữ âm trong từ, như ở ví dụ sau). Xét theo sự phân biệt này, tiếng CTAL có 483/1995 đơn vị giống nhau hoàn toàn với tiếng CTQN, chiếm tỉ lệ 24,2%. Các đơn vị giống nhau không hoàn toàn là 669/1995, chiếm tỉ lệ 33,5%.

Số lượng các đơn vị từ vựng khác nhau giữa CTAL và CTQN là 843 đơn vị, chiếm tỉ lệ 42,3%, ví dụ:

CTQN	CTAL
<i>lét</i> (ác)	<i>bhroch, bhroh</i>
<i>achoóng</i> (anh rể)	<i>alêh</i>
<i>porzok</i> (bạn)	<i>dôu, ...</i>

Tỉ lệ khác nhau này là khá lớn. Đây là điều rất đáng được lưu ý đối với việc biên soạn các tài liệu dạy và học tiếng Cơ Tu.

*b) Giữa CTND và CTQN*

Trong tổng số 1.963 đơn vị từ vựng được so sánh có 1.347 đơn vị giống nhau, chiếm 68,6%. Trong số các đơn vị giống nhau, có 865 đơn vị giống nhau hoàn toàn, chiếm 44,1% và 482 đơn vị giống nhau không hoàn toàn, chiếm 24,5%. Các đơn vị từ vựng khác nhau là 616 đơn vị, chiếm 31,4%. Những kết quả so sánh, thống kê vừa được trình bày cho thấy rằng, cảm thức bản ngữ của người Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế là chính xác. Cả về lớp từ vựng cơ bản và các lớp từ vựng văn hóa, tiếng Cơ Tu ở vùng thứ nhất (ở Nam Đông trừ xã Hương Hữu, Hương Sơn) có tỉ lệ từ vựng giống nhau và giống nhau hoàn toàn với CTQN cao hơn khá nhiều so với tiếng Cơ Tu vùng thứ hai (ở A Lưới và các xã Hương Hữu, Hương Sơn của Nam Đông): 68,6% và 44,1% so với 57,7% và 24,2%.

**4. Sự khác nhau về ngữ âm giữa tiếng Cơ Tu ở huyện A Lưới, Nam Đông và tiếng Cơ Tu ở Quảng Nam**

Trước khi xem xét những sự khác nhau về ngữ âm, chúng tôi xin lưu ý rằng, trong tiếng Cơ Tu, từ âm vị học (*phonological word*) thường gồm một âm tiết chính và một vài âm tiết phụ (tiền âm tiết) đứng trước, ví dụ:

<i>aku</i> (tôi)	<i>porzok</i> (bạn)
<i>pachoom</i> (dạy)	<i>patamóót</i> (bắt đưa vào)

Trong thực tế giao tiếp của người Cơ Tu, âm tiết phụ là bộ phận dễ thay đổi hình thức ngữ âm và thậm chí trong nhiều trường hợp (khi âm tiết phụ không phải là tiền tố) sự có mặt hay vắng mặt của chúng cũng không quan trọng đối với sự giao tiếp (*aku - ku, akooop - koop, đhíq - chadhíq, ...*). Đối với âm tiết chính, tình hình không phải như vậy. Âm tiết chính cũng có thể có những sự biến đổi ngữ âm nhưng sự có mặt của chúng trong từ là bắt buộc. Chính vì vậy, khi xem xét những sự khác nhau về ngữ âm của tiếng Cơ Tu ở các địa phương, cũng cần lưu ý sự phân biệt này.

Ở thời điểm hiện nay, sự khác nhau về ngữ âm của 2 vùng ở tỉnh Thừa Thiên Huế trong tương quan với tiếng CTQN là rất khác nhau. Mỗi vùng có những xu hướng biến đổi riêng và khá đa dạng. Sau đây là những đặc điểm khác nhau của từng vùng.

**4.1. Sự khác nhau về ngữ âm giữa CTAL và CTQN**

*a) Sự khác nhau ở âm tiết phụ (tiền âm tiết)*

Sự khác biệt ở âm tiết phụ được thể hiện rõ nhất là ở thành phần nguyên âm (V) trong cấu trúc CV (C là phụ âm) của âm tiết phụ. Trong tiếng CTQN, nguyên âm của âm tiết phụ chỉ có 2 âm: *a* hoặc *σ*; ngược lại nguyên âm của âm tiết phụ ở tiếng CTAL có tới 5 âm: *i, ê, e, σ, a*; trong đó *i* và *ê* được sử dụng nhiều nhất và chúng là các biến thể tự do, có thể thay thế cho nhau trong mọi trường hợp. Khi so sánh âm tiết phụ ở tiếng CTQN với tiếng CTAL, ngoài sự đồng nhất của một số ít các âm tiết phụ có nguyên âm *a, σ* thì đại bộ phận các âm tiết phụ có sự chuyển đổi theo quy luật tương ứng: *a, σ* (CTQN) > *i, ê, e* (CTAL), ví dụ:

CTQN	CTAL
<i>tongăi</i> (ngày)	<i>tingăi/ têngăi</i>
<i>langăt/longăt</i> (bắt tinh)	<i>lêngăt/ lingăt</i>
<i>popóng</i> (bình thường)	<i>pêpóng/ pipóng</i>
<i>koroók</i> (con bò)	<i>kêroók/ kiroók</i>

chadiq (bóp)	chidiq/ chêđiq
tabéch (bốc thức ăn)	têbéch/ tibéc
pongan (bát)	pengan/ pêngan
tomee (mới)	temee

Một sự khác biệt thứ hai cũng có tính quy luật đó là sự tương ứng giữa âm tiết phụ có hình thức *tor-* ở CTQN và âm tiết phụ có hình thức *tro-* ở CTAL, ví dụ:

CTQN	CTAL
tornot (ghế)	tronot
torlơong (gậy)	trolơong
tordéh (váp)	trođéh

Ngoài ra, hình thức âm tiết phụ của CTQN và CTAL cũng còn nhiều sự khác biệt nữa. Tuy nhiên, những hình thức khác nhau này thường mang tính đơn lẻ, ví dụ:

CTQN	CTAL
zorloong alóm(chim bóí cá)	chorloong alóm
papô đak (bọt nước)	apô đak
Zodhúng (cái cặp)	kadhúng,...

b) Sự khác nhau ở âm tiết chính

Đối với bộ phận âm tiết chính, sự khác nhau giữa tiếng CTQN và tiếng CTAL chủ yếu cũng được thể hiện ở thành phần nguyên âm. Sự khác biệt rõ nhất: Trong tiếng CTAL không có 3 nguyên âm đôi: *iê, ươ, uô* như trong tiếng CTQN; ngược lại, tiếng CTAL lại có mặt 3 nguyên âm đôi mà tiếng CTQN không có *ea, oa, oa*. Chính vì vậy, trong phạm vi các từ cùng ý nghĩa có thể gặp có sự chuyển đổi, sự tương ứng khá đều đặn như sau.

- <i>iê</i> (CTQN) > <i>ea</i> (CTAL), ví dụ:	
CTQN	CTAL
kiêng (yêu, thích)	keang
katiêk (đất)	kateak
tapliên (chen lán)	taplean,...
- <i>ươ</i> (CTQN) > <i>oa</i> (CTAL), ví dụ:	
CTQN	CTAL
đương (canh, giữ, chờ)	đơang
zanươ (dựa)	zanơar
bướm (gặm xương)	bơam,...

- <i>uô</i> (CTQN) > <i>oa</i> (CTAL), ví dụ:	
CTQN	CTAL
puôn (bón)	poan
tuôr (cổ)	toar
Haluông (chạy)	haloang,...

Trên thực tế, ở tiếng CTAL trong một số trường hợp cũng thấy xuất hiện các nguyên âm đôi *iê, ươ, uô* nhưng những trường hợp này đều là các đơn vị được vay mượn từ tiếng Việt, ví dụ: *ruơng* (hòm, ruộng), *đương* (đường ăn), *điêng* (giếng), *ruông* (ruộng),...

Bên cạnh những sự khác biệt trên, giữa tiếng CTQN và tiếng CTAL còn nhiều sự khác biệt ngữ âm nữa. Những sự khác biệt này có thể được thể hiện ở những hiện tượng đơn lẻ nhưng cũng có thể được thể hiện ở sự tương ứng đồng loạt, mang tính quy luật ở nhiều đơn vị từ vựng. Sau đây là một số hiện tượng khác nhau được thể hiện bằng những sự tương ứng có quy luật.

- <i>uô</i> (CTQN) > <i>ô</i> (CTAL), ví dụ:	
ka-uôih (ồn)	ka-ôih
laluôh (cởi trần)	lalôh
bhuôih (cúng)	bhôi,...
- <i>é</i> (CTQN) > <i>ơ</i> (CTAL), ví dụ:	
lét (sai)	lót
đhêl (đá)	đhơl
péch (đào)	pơch,...
- <i>é</i> (CTQN) > <i>ee</i> (CTAL), ví dụ:	
kréq (lim)	kreéq
ponénh (cung)	pêneénh
rovéh (rau)	reveéh,...
- <i>ee</i> (CTQN) > <i>é</i> (CTAL), ví dụ:	
đeéh (bè)	đêh
chabeét (cây)	chabêét
tapeéh (bếp)	tapêh,...
- <i>ơ</i> (CTQN) > <i>oo</i> (CTAL), ví dụ:	
chapoq (che)	chapoq
đơk (đẻ)	đook
poqot (động dật)	o-goot,...
- <i>ơ</i> (CTQN) > <i>oa</i> (CTAL), ví dụ:	
atơóm (bên phải)	atoam

pơr (quần)	pơar
đơr (dẫm)	lúk đơar,...
- oo (CTQN) > o (CTAL), ví dụ:	
kobroo (ngón tay, chân)	kibro
rōrooi (ruồi)	riroi
ơngkoo (ống)	ơngko,...
- oó (CTQN) > oa (CTAL), ví dụ:	
poók (cuộc đất)	poak
gōdoók (khói)	gêdoak
dzoóng (đứng)	dzoang,...
- ú (CTQN) > ú (CTAL), ví dụ:	
tapúih (hâm)	tipúih
kachút (đầy)	kichút
hadúm (đêm)	hêdúm,...

#### 4.2. Sự khác nhau về ngữ âm giữa tiếng CTQN và tiếng CTNĐ

So với tiếng CTAL thì sự khác biệt của tiếng CTNĐ với CTQN ít hơn. Tuy nhiên các biến đổi ngữ âm cũng khá phong phú. Trong số những sự biến đổi này, có một vài biến đổi giống với CTAL còn lại là theo hướng riêng.

##### a) Sự khác nhau ở bộ phận tiền âm tiết

Đối với tiền âm tiết, sự khác biệt dễ nhận thấy nhất là có sự chuyển đổi từ nguyên âm ở CTQN thành nguyên âm *a* CTNĐ, ví dụ:

topórl (bảy)	tapórl
lomăq (béo)	lamăq
koroók (con bò)	karoók,...

Sự khác biệt thứ hai là có sự chuyển đổi các hình thức tiền âm tiết có dạng *tor-*, *tar-* ở CTQN thành dạng *trō-*, *tra-* ở CTNĐ, ví dụ:

torkól (đầu gối)	trakól
tordzôh (giọt)	tradzôh
torpang tới (bàn tay)	tropang tới,...

Sự khác biệt thứ ba được thể hiện ở chỗ, tiền âm tiết ở CTQN có xu hướng bị rơi rụng ở CTNĐ, ví dụ:

padzin (chối)	dzin
kabhuh tô (dòng họ)	bhuh tô
tobéch (nằm)	béch,...

##### b) Sự khác nhau ở bộ phận âm tiết chính

Hệ thống âm vị ở CTQN và CTNĐ không có sự khác nhau nhưng sự chuyển đổi các âm vị tạo ra sự khác biệt về mặt ngữ âm giữa 2 vùng là khá phong phú. Theo sự khảo sát của chúng tôi, những sự chuyển đổi này chủ yếu xảy ra ở thành phần âm chính. Ít nhất có 7 sự chuyển đổi mang tính quy luật sau đây.

- ế (CTQN) > ớ (CTNĐ), ví dụ:

đhél (đá)	đhól
lét (lỗi)	lót
bhanén (nền nhà)	bhanón,...

- ee (CTQN) > e (CTNĐ), ví dụ:

gleeng (liếc)	gleng
tomee (mới)	tame
kolee (nọc ong)	kale,...

- eé (CTQN) > é (CTNĐ), ví dụ:

leéng (giết)	léng
zeéq (nấu cơm)	zéq
axeéh (ngựa)	axéh,...

- ú (CTQN) > ú (CTNĐ), ví dụ:

tolút (cụt tay)	talút
dúr (dậy)	dúr
abhúri (ma)	abhúi,...

- ớ (CTQN) > ươ (CTNĐ), ví dụ:

tortót (đứt)	tartrot
chót (gieo hạt)	chrot
bhót (gươm)	bhrot

- ớó (CTQN) > ươ (CTNĐ), ví dụ:

hamớóu (ghen)	hamươu
pơr (quần)	pưor
glớón (quát)	glươl,...

- oó (CTQN) > ươ (CTNĐ), ví dụ:

đhároóng (đuốc)	đhươong
dzoóng (đứng)	dzươong
godoók (khói)	gardươk,...

Quan sát những sự chuyển đổi vừa được trình bày, có thể thấy giữa tiếng CTNĐ và tiếng CTAL có rất ít xu hướng biến đổi chung trong mối liên hệ với CTQN. Ở bộ phận tiền âm tiết chỉ có quá trình chuyển đổi hình thức

*tor-*, *tar-* thành *trơ-*, *tra-*. Ở âm tiết chính chỉ có sự chuyển đổi *é > ó*; còn lại đều khác nhau.

Vấn đề đặt ra ở đây là, những sự khác nhau như vừa được chỉ ra trên đây sẽ được xử lý như thế nào khi biên soạn tài liệu dạy và học tiếng Cơ Tu?

## 5. Tình hình phương ngữ trong biên soạn tài liệu dạy và học đối với tiếng Cơ Tu

5.1. Ở các quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, việc biên soạn các tài liệu dạy và học đối với ngôn ngữ các dân tộc thiểu số có nhiều phương ngữ khác nhau luôn là mối quan tâm của các nhà ngôn ngữ, các nhà giáo dục học. Nếu xét về mặt lý thuyết, có thể có ba phương án lựa chọn như sau:

- Biên soạn các tài liệu dạy và học dựa trên một phương ngữ có tính đại diện, tiêu biểu để sử dụng cho mọi phương ngữ;

- Biên soạn các tài liệu dạy và học cho từng phương ngữ;

- Biên soạn các tài liệu dạy và học dựa trên một phương ngữ có tính đại diện, tiêu biểu nhưng khi tiến hành ở nhiều phương ngữ có sự khác nhau đáng kể lại có những điều chỉnh nhất định cho phù hợp với từng phương ngữ.

Thực tiễn giáo dục ở các quốc gia cho thấy, đã có những sự lựa chọn khác nhau đối với các phương án trên đây.

Có thể nói, phần lớn các quốc gia đa ngữ đều lựa chọn phương án thứ nhất: biên soạn tài liệu dạy và học dựa vào phương ngữ phổ biến, có tính đại diện. Chẳng hạn, ở Băng-la-đét khi biên soạn sách dạy ngôn ngữ Ô-ra-ôn (có 2 phương ngữ là Sa-đri và Ku Ruk) người ta đã lựa chọn phương ngữ Sa-đri; ở Việt Nam, khi biên soạn sách dạy tiếng Mông các nhà biên soạn đã lựa chọn tiếng Mông Lênh (trong số 5 phương ngữ: Mông Lênh, Mông Đơ, Mông Đu, Mông Sua, Mông Si); khi biên soạn sách dạy tiếng Gia-rai các nhà biên soạn đã chọn phương ngữ Chor (trong số các phương ngữ: Mothur, Hơ Đrưng, A Ráp, Ha Bau, Gơ La,...).

Theo Giáo sư David Holm (công tác tại National Chengchi University) thì ở Đài Loan

(Trung Quốc) đang thực hiện biên soạn tài liệu cho từng phương ngữ trên cơ sở một bộ chữ viết chung. Ông cho biết, bản thân ông và các cộng sự đang biên soạn 44 bộ tài liệu giảng dạy ngôn ngữ dân tộc thiểu số cho 13 dân tộc khác nhau (Bài nói chuyện tại Viện Ngôn ngữ học ngày 14.2.2017).

Cách lựa chọn thứ 3 có thể tìm thấy ở Ấn Độ. Dưới đây là trích đoạn nói về việc biên soạn tài liệu dạy tiếng A-sam: *Trong quá trình tiêu chuẩn hóa ngôn ngữ thiểu số, thường xuất hiện một số xung đột trong nội bộ cộng đồng. Do đó, việc biên soạn sách vở lòng bằng tất cả các phương ngữ khác nhau,... rõ ràng là một cách không thực tế. Vì vậy, cách làm thiết thực hơn là đưa vào tài liệu các từ của các địa phương khác nhau. Ví dụ, các từ của các tiểu nhóm của tộc A-sam nói các phương ngữ khác nhau được hợp nhất vào tiếng A-sam chuẩn. Nó không chỉ làm phong phú hơn cho ngôn ngữ mà còn tạo ra một xã hội hợp nhất [9, tr.189].*

Như vậy, trên thực tế các khả năng có thể có trong biên soạn tài liệu giảng dạy các ngôn ngữ dân tộc thiểu số đều đã được sử dụng. Vì chưa có những nghiên cứu đối sánh về tính ưu việt của các cách lựa chọn này nên chúng ta chưa thể đánh giá sự lựa chọn nào là tốt hơn. Tuy nhiên, cách tiếp cận tốt nhất vẫn là dựa trên những điều kiện thực tế của mỗi quốc gia, của từng dân tộc.

5.2. Trở lại Việt Nam, đối với tiếng Cơ Tu nói riêng, ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nói chung, nên lựa chọn phương án nào?

Hiện nay, đối với các ngôn ngữ có nhiều phương ngữ khác nhau, cách chọn biên soạn tài liệu dạy và học riêng cho từng phương ngữ là không khả thi do chưa đủ nguồn lực để thực hiện nó vì cách lựa chọn này sẽ tốn kém hơn rất nhiều so với 2 cách còn lại. Hơn nữa, đi theo sự lựa chọn này thì việc thúc đẩy sự thống nhất ngôn ngữ, thống nhất dân tộc rất khó được thực hiện.

Việc lựa chọn phương ngữ đại diện như đã làm, thực tế cũng có những thuận lợi (dễ thực hiện, đỡ tốn kém, có tác dụng thúc đẩy sự thống nhất ngôn ngữ, giảm bớt sự “xa cách”

giữa các phương ngữ,...). Tuy nhiên, phương án này chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi có sự đồng thuận của chủ thể các phương ngữ. Nếu không tìm được sự đồng thuận này thì rất dễ phát sinh xung đột giữa các cộng đồng phương ngữ hoặc ít ra cũng làm giảm sự hứng thú và nhiệt tình tham gia của các cộng đồng phương ngữ không được lựa chọn. Và trên thực tế, một số công trình điều tra, nghiên cứu đã xác nhận tình trạng này.

Đối với các ngôn ngữ thiểu số ở Việt Nam nói chung, tiếng Cơ Tu nói riêng nên lựa chọn cách thứ 3: Biên soạn các tài liệu dạy và học dựa trên một phương ngữ có tính đại diện, tiêu biểu. Nhưng đối với các phương ngữ khác nhau thì cần có thêm những chú giải về từ vựng, ngữ âm cần thiết cho phương ngữ đó. Đi theo cách tiếp cận này, chúng ta sẽ dung hòa được nguy cơ của cách thứ 2 và tránh được những điểm yếu của cách lựa chọn thứ nhất.

Bên cạnh đó, ngoài cách tiếp cận chung vừa nêu, có những trường hợp chúng ta cần phải dựa vào thực tế của dân tộc với một cách nhìn đa chiều để xử lý cho thích hợp.

## 6. Kết luận

Xét từ phương diện từ vựng, sự khác nhau giữa tiếng Cơ Tu ở Thừa Thiên Huế và CTQN nhìn chung khá lớn; đặc biệt, tỉ lệ 42,3% khác nhau giữa CTAL và CTQN là một tỉ lệ cần được quan tâm thích đáng khi biên soạn tài liệu dạy và học tiếng Cơ Tu.

Xét từ phương diện ngữ âm, sự khác nhau giữa tiếng Cơ Tu giữa 2 tỉnh cũng khá đa dạng và phức tạp. Tuy nhiên sự khác biệt này chủ yếu là do sự dịch chuyển của các nguyên âm về độ mở (oo > o, eé > é, é > eé,...) về dòng gần nhau (ú > ứ, ơ > oo, ế > ó,...) vì vậy âm hưởng ngữ âm của các đơn vị từ vựng này cũng không khác nhau là mấy. Điều này có nghĩa là: Sự khác biệt về ngữ âm giữa các vùng của tiếng Cơ Tu cũng là một trở ngại nhưng sự trở ngại này không ảnh hưởng lớn như sự khác biệt về từ vựng.

Từ những kết quả nghiên cứu trên, có thể thấy, đối với tiếng Cơ Tu có thể dựa vào bộ

chữ viết Cơ Tu đã được sử dụng ở *Từ điển Cơ Tu - Việt, Việt - Cơ Tu* và phương ngữ Cơ Tu vùng cao ở Quảng Nam để biên soạn các tài liệu dạy, học tiếng Cơ Tu cho cả 2 tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, đối với người Cơ Tu ở huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế khi triển khai giảng dạy thì cần có những chú giải cần thiết về từ vựng, ngữ âm để việc tiếp nhận thuận lợi hơn.

Ở Việt Nam, có thể nói, hầu hết ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số cũng tồn tại dưới nhiều phương ngữ khác nhau tương tự như tiếng Cơ Tu. Vì vậy, có thể xem tiếng Cơ Tu như một nghiên cứu trường hợp và có thể áp dụng cho các ngôn ngữ khác trong tương lai. (\*)

## CHÚ THÍCH

(\*) Bài viết này là kết quả thuộc Dự án: *The Co Tu Written Language Development Project* do tổ chức FASO tài trợ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chi thị số 38/2004 ngày 9.11.2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác vùng dân tộc, miền núi.
- [2] Nguyễn Hữu Hoành, Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông, *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam - Những vấn đề chung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013.
- [3] Nguyễn Hữu Hoành, *Tiếng Cơ tu (cấu tạo từ)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.
- [4] Nguyễn Hữu Hoành, Nguyễn Văn Lợi, *Tiếng Cơ tu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
- [5] Nguyễn Hữu Hoành, Tạ Văn Thông, Nguyễn Văn Lợi, *Từ điển Cơ tu - Việt, Việt - Cơ tu*, Nxb. Quảng Nam, Quảng Nam, 2007.
- [6] Nguyễn Hữu Hoành, Tạ Văn Thông, Nguyễn Văn Lợi, *Poraq Kotu*, Nxb. Quảng Nam, Quảng Nam, 2006.
- [7] Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 15.7.2010 của Chính phủ Quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.
- [8] UNESCO, *Phát triển Chương trình xóa mù chữ và giáo dục cho người lớn tại cộng đồng ngôn ngữ thiểu số*, Văn phòng UNESCO Hà Nội, 2007.
- [9] UNESCO, *Tiếng mẹ đẻ trước tiên: Chương trình xóa mù chữ dựa vào cộng đồng cho các cảnh huống ngôn ngữ thiểu số ở Châu Á*, Văn phòng UNESCO Hà Nội, 2007.
- [10] Kosonen K., *Language in Education Policy and practice in Vietnam*, study for UNICEF Hanoi, 2004.